

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 04 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, tranh
chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc
2. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông: bà Đàm Thị Mỏl - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 350/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T có mặt, anh C vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn ngày 26/07/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2000 chị T và anh C tự tìm hiểu nhau và quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Theo giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) số 414, quyền số 03/02 ngày 30/10/2002 tại UBND xã P, huyện T). Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau, do không thể sống chung được nên chị T đi làm ở tỉnh An Giang, từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị T và anh C có hai con chung: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 15/08/2001 và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 23/7/2007, hiện nay hai cháu đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu K, chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung; đối với con chung Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 15/8/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T trình bày không có.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn C được Tòa án niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng nhưng đến nay không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị T có đơn xin ly hôn với anh C, trú tại: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Khi thụ lý vụ án, anh C vẫn có mặt tại địa phương nhưng không tổng đạt được văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho anh C đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đến nay anh C không có mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu trên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T có đơn xin ly hôn với anh C và yêu cầu được nuôi con chung, tài sản chung không có, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T và anh C cưới nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng anh chị sống có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh C. Xét thấy từ

khi anh chị ly thân đến nay không tự hàn gắn, gia đình hai bên cũng không hàn gắn cho anh chị. Mặt khác, anh C không đến Tòa án theo các lần triệu tập nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị. Điều đó chứng minh anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T. Nay chị T cương quyết ly hôn với anh C. Xét hôn nhân của vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn chị T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị T khẳng định giữa chị và anh C có hai con chung: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 15/08/2001 và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 23/7/2007, hiện nay hai cháu đang sống với chị T. Tại các buổi hòa giải và phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trọng K. Mặc khác, cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó cháu K được tiếp tục sống với chị T là phù hợp với nguyện vọng của cháu K, đối với con chung Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 15/8/2001 đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu K, nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T khẳng định không có tài sản chung. Phiên Tòa hôm nay anh C vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung giữa chị T và anh C sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T khẳng định không có nợ chung. Phiên Tòa hôm nay anh C vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung giữa chị T và anh C sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh C, chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2/ - Về quan hệ con chung:

- Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 23/7/2007, hiện nay cháu K đang sống với chị T.

- Anh Nguyễn Văn C được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu K không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

3/- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

4/- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5/- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6/- Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Nhưng được trừ vào toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005747 ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, chị T đã nộp đủ.

- Anh Nguyễn Văn C không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

